

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/HS-ST

Ngày 10-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Ánh Đào.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Đoàn Sơn Lâm;**

Bà **Ngô Thị Phương Trang.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thạch** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Thu** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

La Hoàng H, sinh năm 1999 tại: C; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện V, thành phố C; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông La Hoàng D, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1972; Sống chung như vợ chồng với Huỳnh Thị Li, sinh năm 2001 và con chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 06/6/2018 bị Công an xã Thạnh Phú, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau với số tiền 750.000 đồng đã nộp phạt xong ngày 12/6/2018. Ngày 28/01/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 14 tháng, chấp hành xong ngày 12/12/2019; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/10/2020. Có mặt.

Nguyễn Chí P, sinh năm 1995 tại: C; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện V, thành phố C; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1965 và bà Hà Mộng T, sinh năm 1963; vợ Nguyễn Thị Mai L, sinh năm 1998 và có 02 người con lớn nhất sinh năm 2017 và nhỏ nhất 2019; tiền án: Không; tiền sự: Ngày

17/10/2019 bị Công an phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với số tiền 750.000 đồng đã nộp phạt xong ngày 25/10/2019; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/10/2020. Có mặt.

Bị hại: Ông **Nguyễn Thành T**, sinh năm 1995. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1982. Vắng mặt.

2. Bà **Ngô Ái T**, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: khóm Đông T, phường Mỹ T, thành phố Long X, tỉnh A.

3. Ông **La Hoàng D**, sinh năm 1970. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện V, thành phố C.

Người làm chứng:

1. Bà **Huỳnh Thị L**, sinh năm 2001. Vắng mặt.

2. Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1954. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp Qui L, xã T, huyện V, thành phố C.

3. Ông **Trần Văn V**, sinh năm 1997. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện V, thành phố C.

4. Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1986. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện V, thành phố C.

5. Ông **Nguyễn Hữu C**, sinh năm 1962. Vắng mặt.

Địa chỉ: Kv. T, P. T, Q. T, thành phố Cần Thơ.

6. Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1965. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp T, xã Thạnh L, huyện V, thành phố C.

7. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1975. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện V, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 17/8/2020 La Hoàng H, Nguyễn Chí P và bị hại Nguyễn Thành T đến nhà bà Lê Thị T, cư trú tại khu dân cư số 8 thuộc ấp Q, xã T, huyện V, thành phố C để chơi. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, P hỏi mượn xe mô tô biển số 68G1-341.84 của T để đi chuộc điện thoại di động của P đang cầm ở huyện Cờ Đỏ thì được T đồng ý. Sau khi P chuộc điện thoại xong, đang trên đường về thì H điện thoại cho P, vì biết P đang chạy xe của T nên H đã chủ động bàn bạc với P mang xe mô tô của T đi cầm lấy tiền tiêu xài cá nhân, để T tin tưởng và có

thời gian để cầm xe nên H đã tự đặt ra thông tin gian dối là xe của T bị Cảnh sát giao thông tỉnh Đồng Tháp kiểm tra hành chính bị vi phạm nên đã giữ xe, khi đó P đồng ý. Đến chiều tối ngày 18/8/2020, H và P trực tiếp mang xe đến cơ sở dịch vụ cầm đồ T, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh A cầm được 3.000.000 đồng (do không có giấy đăng ký xe mô tô kèm theo nên chủ tiệm cầm đồ thỏa thuận sau khi chuộc ra thì tiền lãi sẽ là 600.000 đồng). Đến ngày 23/8/2020 P lấy giấy biên nhận cầm giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô ở cơ sở dịch vụ cầm đồ Cường N ra và một mình đi xe ôm đến cơ sở dịch vụ cầm đồ T để cầm thêm 3.000.000 đồng. Như vậy, tổng 02 lần cầm xe được số tiền 6.000.000 đồng, tiền lãi là 600.000 đồng. Đến ngày 28/8/2020 T biết xe của mình bị cầm nên trình báo sự việc cho Công an xã T. Tại cơ quan điều tra, H và P đều thừa nhận hành vi chiếm đoạt tài sản là xe mô tô biển số 68G1-341.84 của T. Tuy nhiên, lời khai của các đối tượng chưa thống nhất với nhau, cụ thể:

Nguyễn Chí P khai nhận: Khi P hỏi mượn xe mô tô của T thì H không chứng kiến và không biết sự việc. Sau khi hỏi mượn xe của T đi chuộc điện thoại di động trên đường từ huyện Cờ Đỏ về, khoảng 18 đến 19 giờ ngày 17/8/2020, thì H điện thoại cho P mới biết P đang điều khiển xe mô tô của bị hại, khi đó, H kêu P chạy đến xã T, huyện V gặp H, chủ động nêu ra ý định cầm xe của T và bàn bạc nêu ra lý do P chạy xe bị Cảnh sát giao thông tỉnh Đồng Tháp kiểm tra hành chính, bị cảnh sát giữ xe cho T tin tưởng thì P đồng ý. Lần cầm xe thứ nhất vào chiều ngày 18/8/2020, P đi cùng với H trực tiếp đến dịch vụ cầm đồ T cầm xe được 3.000.000 đồng, toàn bộ số tiền trên P đưa hết cho H sử dụng. Ngày 22/8/2020 H có đưa cho P giấy biên nhận cầm giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 68G1-341.81 ở dịch vụ cầm đồ Cường N do Thuộc đã cầm trước đó để P đi chuộc giấy tờ xe ra, nhưng đến ngày 23/8/2020 P mới đi đến Cường N chuộc giấy tờ và chiều cùng ngày P một mình đi xe ôm đến dịch vụ cầm đồ T đưa giấy tờ xe để cầm thêm số tiền 3.000.000 đồng, P đưa cho H 1.800.000 đồng, P lấy 1.200.000 đồng. Tổng cộng hai lần cầm xe, P và H đều có sự bàn bạc thống nhất với nhau về số tiền cầm xe, trong đó P lấy 1.200.000 đồng, đưa cho H là 4.800.000 đồng (H trả tiền xe ôm hết 200.000 đồng).

La Hoàng H khai nhận: Lúc P mượn xe của T ở nhà bà T thì H không chứng kiến. Đến khoảng 20 giờ ngày 17/8/2020 sau khi điện thoại cho với P thì biết P đang chạy chiếc của T nên H bàn bạc với P nói dối T là xe bị Cảnh sát giao thông tỉnh Đồng Tháp kiểm tra và giữ xe mục đích muốn biết T có phải là Công an chìm đang theo dõi hay không, vì H và P đang là các đối tượng nghiện ma túy. Đến sáng 18/8/2020, H kêu T đưa giấy biên nhận cầm giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô ra để đưa cho P nộp phạt lấy xe về. Đến khoảng 14 giờ ngày 18/8/2020, tại quán cà phê thuộc xã Thạnh Lộc, huyện Vĩnh Thạnh, Hôn gặp P nêu ra lý do không tiền trả nợ nên đã chủ động rủ và bàn bạc với P về việc cầm xe của T thì P đồng ý nhưng khi đến dịch vụ cầm đồ Cường N thì chủ tiệm không đồng ý cầm nên đến chiều cùng ngày H và P cùng đến dịch vụ cầm đồ T cầm được số tiền 3.000.000 đồng, khi đó H lấy 2.600.000 đồng, còn lại 400.000 đồng đưa cho P sử dụng. Lần thứ hai khi cầm xe, H hoàn toàn không biết và không kêu P cầm thêm tiền.

Đối với ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Ái T là chủ cơ sở dịch vụ cầm đồ T cho biết ngày 18/8/2020 có nhận cầm 01 xe mô tô sirius biển số 68G1-341.81 do P và H mang đến, cầm lần đầu số tiền 3.000.000 đồng, do không có giấy đăng ký xe mô tô nên khi chuộc ra tiền lãi là 600.000 đồng, P là người trực tiếp giao dịch, còn H đứng ở ngoài, bà T là người ghi danh thiệp và giao cho P giữ. Đến ngày 23/8/2020, P cầm theo 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 68G1-341.81 (bản chính) và 01 giấy chứng minh nhân dân (phô tô) mang tên Nguyễn Thành T để cầm thêm số tiền 3.000.000 đồng, ông T đồng ý và bà T là người trực tiếp ghi biên lai cộng gộp 02 lần với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, khi chuộc lại đóng lãi là 600.000 đồng, thời hạn cầm là 30 ngày. Lần thứ hai, ông T và bà T chỉ thấy P đi một mình, còn có đi chung với ai khác thì không xác định được. Cả ông T và bà T đều khẳng định khi P và H đến tiệm thì chỉ nói là cầm xe, không nói xe của ai, nguồn gốc từ đâu mà có, do có người cầm xe nên chủ tiệm trực tiếp xem xe, được giá bao nhiêu thì cầm và thỏa thuận giá cả. Ngoài ra, H và Ph không sử dụng bất kỳ thủ đoạn lừa dối nào trong quá trình cầm xe.

Đối với ông Nguyễn Hữu C là chủ dịch vụ cơ sở cầm đồ Cường N xác định trước đây có cầm 01 giấy phép lái xe và 01 giấy chứng minh nhân dân của Nguyễn Thành T với giá 500.000 đồng, thời gian cầm cố thì không xác định được, chỉ nhớ sau đó các giấy tờ trên đã được chuộc ra, riêng đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 68G1-341.81 tiệm có nhận cầm hay không thì không nhớ được, do cầm của nhiều người và không ghi vào biên nhận để lưu.

Tại kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐGTS ngày 10/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự kết luận chiếc xe Sirius biển số 68G1-341.81 trị giá 14.000.000 đồng.

Về tang vật: Đối với 01 xe mô tô biển số 68G1-341.81 là tài sản của ông Nguyễn Văn D (cha ruột của Nguyễn Thành T) đứng tên chủ sở hữu. Tuy nhiên, qua xác minh tại địa phương, ông D đã sinh sống ở nước ngoài từ tháng 3/2020 đến nay, hiện tại chiếc xe nêu trên được giao cho T quản lý và sử dụng. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị hại theo đúng quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Ái T chủ dịch vụ cầm đồ T yêu cầu 02 bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự với tổng số tiền 6.000.000 đồng, bị cáo H đã bồi thường xong số tiền 3.000.000 đồng, riêng P đồng ý bồi thường 3.000.000 đồng nhưng hiện tại chưa có tiền nên chưa bồi thường.

Đối với ông Nguyễn Hữu C chủ tiệm cầm đồ Cường N không có thiệt hại xảy ra nên không có yêu cầu gì khác.

Đối với hành vi của ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Ái T là đại diện cơ sở dịch vụ cầm đồ T có cầm chiếc xe mô tô hiệu Sirius biển số 68G1-341.81 của H và P. Tuy nhiên, khi cầm xe thì không hay biết xe này do chiếm đoạt của mà có nên cơ quan điều tra không xử lý hành vi của ông T và bà T là phù hợp. Theo quy định tại Điều 11 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của chính phủ, Công an huyện Vĩnh Thạnh đã có công văn kiến nghị và chuyển tài liệu có liên quan cho Công an thành phố Long Xuyên xem xét và xử lý vi phạm hành chính về lĩnh vực

kinh doanh dịch vụ cầm đồ của cơ sở dịch vụ cầm đồ T nếu có dấu hiệu vi phạm.

Tại Cáo trạng số 46/CT-VKSVT-HS ngày 16/11/2020 và tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị tuyên bố bị cáo La Hoàng Hôn và bị cáo Nguyễn Chí P phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng: Điều 17, Điều 38, điểm b, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58, điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo La Hoàng H mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Áp dụng: Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58, điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí P mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Miễn cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu lưu hồ sơ vụ án: 01 biên nhận cầm đồ ngày 23/8/2020, ghi thông tin tiệm T, cầm xe mô tô BS 68G1-341.81, giá cầm 6.600.000 đồng (bản chính). Buộc bị cáo P phải chịu trách nhiệm bồi thường cho ông T và bà T số tiền 3.000.000 đồng. Công nhận Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Nguyễn Văn D 01 xe mô tô biển số 68G1-341.81 kèm giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô.

Tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố là đúng, không oan và tại phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Khi được nói lời sau cùng, các bị cáo ăn năn về hành vi phạm tội của mình và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đối với hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Thạnh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và hình phạt: Tại cơ quan điều tra cũng như trước phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung biên bản ghi lời khai, biên bản đối chất, bản kết luận định giá, vật chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có

đủ cơ sở xác định: Khoảng 17 giờ ngày 17/8/2020 bị cáo P hỏi mượn xe mô tô biển số 68G1-341.84 của T để đi chuộc điện thoại di động ở huyện Cờ Đỏ thì được T đồng ý. Sau khi P chuộc điện thoại xong, đang trên đường về thì bị cáo H điện thoại cho bị cáo P vì biết bị cáo P đang chạy xe của T, bị cáo H đã chủ động bàn bạc với bị cáo P về việc mang xe mô tô của T đi cầm lấy tiền tiêu xài cá nhân và bị cáo P đồng ý. Chiều tối ngày 18/8/2020 bị cáo H và bị cáo P trực tiếp mang xe đến cơ sở dịch vụ cầm đồ T, địa chỉ khóm Đ, phường Mỹ T, thành phố Long X, tỉnh A cầm được 3.000.000 đồng. Đến ngày 23/8/2020 bị cáo P lấy giấy biên nhận cầm giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô ở cơ sở dịch vụ cầm đồ Cường N ra và bị cáo P một mình đi xe ôm đến cơ sở dịch vụ cầm đồ T để cầm thêm 3.000.000 đồng. Như vậy 02 lần cầm xe được số tiền 6.000.000 đồng, tiền lãi là 600.000 đồng. Đến ngày 28/8/2020 T biết xe của mình bị cầm nên trình báo sự việc cho Công an xã Thạnh Mỹ. Tại cơ quan điều tra, bị cáo H và bị cáo P đều thừa nhận hành vi chiếm đoạt tài sản là xe mô tô biển số 68G1-341.84 của T. Tại kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐGTS ngày 10/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự kết luận chiếc xe Sirius biển số 68G1-341.81 trị giá 14.000.000 đồng. Hành vi sau khi mượn được tài sản của bị hại thì các bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản mà không được sự đồng ý của bị hại đã đủ yếu tố cấu thành tội *“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”* theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự, việc đưa ra truy tố và xét xử các bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan cho các bị cáo.

[3] *Về tính chất mức độ hành vi và vai trò phạm tội:* Các bị cáo cùng thống nhất ý chí thực hiện hành vi phạm tội nhưng không thể hiện rõ việc phân công nhiệm vụ, vai trò cụ thể, không có sự cấu kết chặt chẽ dẫn đến việc có mâu thuẫn trong lời khai tại hai lần cầm xe lấy thêm tiền của các bị cáo nên trường hợp này chỉ là đồng phạm giản đơn. Bị cáo P là người trực tiếp mượn tài sản nhưng bị cáo H lại là người đề xuất việc cầm xe và đưa ra lý do là xe bị Cảnh sát giao thông tỉnh Đồng Tháp bắt nhằm mục đích tạo lòng tin cho bị hại để cả hai bị cáo tích cực cùng mang xe của bị hại đi cầm nên vai trò của các bị cáo trong vụ án này là bằng nhau. Xét các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây mất an ninh trật tự địa phương.

Đối với bị cáo H về tiền án không nhưng về tiền sự thì có ngày 06/6/2018 bị Công an xã Thạnh Phú, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau với số tiền 750.000 đồng (đã nộp phạt xong ngày 12/6/2018). Ngày 28/01/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 14 tháng (chấp hành xong ngày 12/12/2019) chưa xóa tiền sự. Tuy nhiên trong quá trình điều tra bị cáo H đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho ông T và bà T số tiền 3.000.000 đồng đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Đối bị cáo P về tiền án không nhưng về tiền sự thì có ngày 17/10/2019 bị Công an phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với số tiền 750.000 đồng (đã nộp phạt xong ngày 25/10/2019) chưa xóa tiền sự. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn D là cha của bị cáo P là thương binh loại A nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Phát theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, các bị cáo đã nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng các bị cáo không biết ăn năn, hối cải mà còn tiếp tục phạm tội lạm dụng tín chiếm đoạt tài sản, cho thấy ý thức sửa đổi bản thân của các bị cáo rất kém. Do đó, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo cũng như tăng cường phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] *Về hình phạt bổ sung*: Tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng...*”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo không có thu nhập ổn định và không có tài sản nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo Hôn và bị cáo Phát không có tình tiết tăng nặng.

[6] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:

Đối với bị cáo H quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho ông T và bà T số tiền 3.000.000 đồng nên bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo P quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, cha ruột bị cáo là thương binh loại A nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] *Về xử lý vật chứng*: Đối với 01 biên nhận cầm đồ ngày 23/8/2020, ghi thông tin tiệm T, cầm xe mô tô biển số 68G1-341.81, giá cầm 6.600.000 đồng (bản chính) là chứng cứ thể hiện các bị cáo phạm tội nên tịch thu lưu hồ sơ. Công nhận Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Nguyễn Văn D 01 xe mô tô biển số 68G1-341.81 kèm giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô.

[8] *Về trách nhiệm dân sự*: Ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Ái T yêu cầu các bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự với tổng số tiền 6.000.000 đồng, bị cáo H đã tự nguyện bồi thường xong số tiền 3.000.000 đồng, riêng bị cáo P đồng ý bồi thường 3.000.000 đồng nhưng chưa thực hiện nên buộc bị cáo P phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông T và bà T số tiền 3.000.000 đồng là phù hợp.

[9] *Các vấn đề khác*: Đối với Hộ kinh doanh Cường N không có thiệt hại xảy

ra nên không yêu cầu gì khác. Đối với hành vi của ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Ái T là đại diện của cơ sở dịch vụ cầm đồ T có cầm chiếc xe mô tô hiệu Sirius biển số 68G1-341.81 của H và P. Tuy nhiên, khi cầm xe thì không biết xe do các bị cáo chiếm đoạt của người khác mà có nên cơ quan điều tra không xử lý hành vi của ông T và bà T là phù hợp. Theo quy định tại Điều 11 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của chính phủ, Công an huyện Vĩnh Thạnh đã có công văn kiến nghị và chuyển tài liệu có liên quan cho Công an thành phố Long Xuyên xem xét và xử lý vi phạm hành chính về lĩnh vực kinh doanh dịch vụ cầm đồ của cơ sở dịch vụ cầm đồ T nếu có dấu hiệu vi phạm.

[10] *Về án phí*: Buộc bị cáo P phải nộp là án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm, buộc bị cáo H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các: Điều 17, Điều 38, Điều 47, Điều 48, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **La Hoàng H** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 15/10/2020.

Căn cứ vào các: Điều 17, Điều 38, Điều 47, Điều 48, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58, điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Chí P** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 16/10/2020.

Hình phạt bổ sung: Miễn cho các bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 biên nhận cầm đồ ngày 23/8/2020, ghi thông tin tiệm T, cầm xe mô tô BS 68G1-341.81, giá cầm 6.600.000 đồng (bản chính).

Buộc bị cáo Nguyễn Chí P có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Ái T số tiền 3.000.000 đồng.

Kể từ ngày ông T và bà T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo P chậm trả số tiền trên thì phải chịu lãi suất chậm trả, tính trên số nợ gốc theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Chí P phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng 500.000 đồng. Buộc bị cáo La Hoàng H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- CAND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Huỳnh Thị Ánh Đào

